

# ĐẢO NGƯỢC TRÁCH NHIỆM CHỨNG MINH TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ THEO PHÁP LUẬT MỘT SỐ NƯỚC VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

**TRƯƠNG GIA THI**

Văn phòng luật sư Đặng Hoài Vũ và cộng sự

Law Office of Dang Hoai Vu and associates

Email: giathi123z@gmail.com

**TRẦN PHẠM HỒNG THẢO**

Văn phòng luật sư Tâm

Tam Law Office

Email: tranphamhongthao@gmail.com

## Tóm tắt

Đảo ngược trách nhiệm chứng minh là một ngoại lệ của nguyên tắc suy đoán vô tội trong pháp luật của một số quốc gia, được xem là một công cụ quan trọng để xác định sự thật vụ án và hạn chế tình trạng bỏ lọt tội phạm. Bài viết phân tích và đánh giá quy định về đảo ngược trách nhiệm chứng minh trong pháp luật của một số nước trên thế giới, tập trung vào những điểm nổi bật, đặc trưng nhất, từ đó, rút ra những kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc nghiên cứu, học tập quy định của pháp luật nước ngoài về đảo ngược trách nhiệm chứng minh trong tố tụng hình sự.

**Từ khóa:** trách nhiệm chứng minh, đảo ngược, tố tụng hình sự

## Abstract

Reversal of the burden of proof is an exception to the presumption of innocence principle in the legal systems of some countries, seen as an important tool to establish the truth in criminal cases and limit preliminary justice. This article analyzes and evaluates the regulations on reversing the burden of proof in the legal systems of several countries, focusing on their prominent and distinctive features. From there, it draws lessons for Vietnam in studying and learning from foreign legal provisions on reversing the burden of proof in criminal proceedings.

**Keywords:** the burden of proof, reversal, criminal proceedings

**Ngày nhận bài:** 25/11/2023

**Ngày duyệt đăng:** 15/01/2024

Nguyên tắc “suy đoán vô tội” là một nguyên tắc quan trọng trong tố tụng hình sự, được thể hiện trong pháp luật quốc tế cũng như các quốc gia và được coi là một trong những cơ sở của tự do, công lý và hòa bình của nhân loại.<sup>1</sup> Tinh thần của nguyên tắc này được thể hiện trong Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền năm 1948,<sup>2</sup> và một lần nữa được khẳng định trong Công ước Liên hợp quốc về Quyền dân sự và chính trị năm 1966 rằng người bị cáo buộc là phạm tội hình sự có quyền được coi là vô tội cho tới khi hành vi phạm tội của người đó được chứng minh theo pháp luật.<sup>3</sup>

Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến của Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận quyền được suy đoán vô tội: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” (khoản 1 Điều 31). Xuất phát từ quy định của Hiến pháp và nhằm bảo đảm quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc

1 Trần Văn Đổ, “Nguyên tắc suy đoán vô tội trong pháp luật hình sự Việt Nam”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 01, 2020, tr. 72.

2 Điều 11 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948.

3 Khoản 2 Điều 14 Công ước Liên hợp quốc về quyền dân sự và chính trị năm 1966.

tội được thực hiện trên thực tế, Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 quy định “Nguyên tắc suy đoán vô tội” như sau: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”.

Nhìn chung, trong pháp luật quốc tế, chủ thể có trách nhiệm chứng minh (TNCM) là một phần của nguyên tắc suy đoán vô tội. Tuy nhiên, đối với Việt Nam, chủ thể có TNCM lại được quy định ở nguyên tắc xác định sự thật vụ án (Điều 15 của BLTTHS năm 2015). Cụ thể, TNCM tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, và điểm đáng chú ý là người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội.<sup>4</sup> Tuy nhiên, pháp luật tố tụng hình sự của một số quốc gia trên thế giới đang tồn tại một quy định về chứng minh đi ngược lại với nguyên tắc “suy đoán vô tội”, được biết đến với tên gọi là “đảo ngược TNCM”.

Về tình hình nghiên cứu, “đảo ngược TNCM” là một thuật ngữ mới mẻ đối với pháp luật tố tụng hình sự của Việt Nam. Chưa có tác giả Việt Nam nào nghiên cứu về đề tài này. Tuy nhiên, đối với pháp luật quốc tế, vấn đề này không còn xa lạ đối với các nhà nghiên cứu. Đã có không ít những công trình nghiên cứu về “đảo ngược TNCM” trong pháp luật một số quốc gia trên thế giới.<sup>5</sup>

## 2. Nhận thức chung về đảo ngược trách nhiệm chứng minh trong tố tụng hình sự

### 2.1. Khái niệm đảo ngược trách nhiệm chứng minh

Thuật ngữ “đảo ngược TNCM” là một thuật ngữ pháp lý không quá xa lạ đối với pháp luật tố tụng hình sự của các nước trên thế giới. Trong tiếng Anh, có nhiều cách để nói về thuật ngữ này, nhưng nhìn chung, có hai cách phổ biến, đó là “*reverse the burden of proof*” và “*burden of proof reversal*”. Hiện nay,

4 Vấn đề chủ thể có trách nhiệm chứng minh còn được đề cập tại Điều 108 của BLTTHS năm 2015, cụ thể quy định việc xác định những chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết vụ án hình sự. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án.

5 Nội dung “đảo ngược trách nhiệm chứng minh” được đề cập trong ba bài viết tại Kỷ yếu: *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, năm 2020, gồm: Go Lisanawati, “*Hiện trạng của Nguyên tắc Suy đoán vô tội trong pháp luật chống rửa tiền của Indonesia*, 2020”; Shrutí Bedi, “*Giả định về vô tội và các điều khoản trách nhiệm ngược: Tình trạng tài phán hình sự và hiến pháp ở Ấn Độ*, 2020”; Aurélie Bergeaud-Wetterwald, “*Ý nghĩa và việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong pháp luật Cộng Hòa Pháp*, 2020”. Trong các tạp chí quốc tế, có những công trình nổi bật như: Adinda Putri Jade, Yaris Adhial Fajrin, Diah Nadia Putri, Aisya Sanghra Devi Nugraha, “*The Reverse Burden of Proof in Indonesia’s Money Laundering Crime: A Review*”, *Lentera Hukum*, Vol. 7, Issue 3, 2020; Alvi Syahrin, M. Hamdan, Dedi Harianto, “*Penerapan pembuktian terbalik dalam perkara gratifikasi*”, *USU Law Journal*, Vol. 4, No. 2, Maret 2016; Kuan Chung Ong, “*Statutory Reversals of Proof: Justifying Reversals and the Impact of Human Rights*”, 32 *U. Tas. L. REV.*, 2013; Jeswin James, “*Constitutionality of Reverse Burden of Proof: Sections 29, 30 of POCSO Act*”, *International Journal of Law Management & Humanities*, Vol. 5, Iss. 3, 2022.

pháp luật quốc tế cũng như pháp luật của các nước trên thế giới chưa có định nghĩa về “đảo ngược TNCM”. Tuy nhiên, có không ít học giả đưa ra khái niệm về vấn đề này.

Theo học giả Sahuri, đảo ngược TNCM là sự khẳng định rằng bị cáo đã bị kết tội trước khi anh ta có thể chứng minh trước tòa rằng mình vô tội.<sup>6</sup> Đây là định nghĩa quá hẹp, bởi vì khái niệm không thể hiện được nội hàm của đảo ngược TNCM mà chỉ tiếp cận theo hướng nêu ra một đặc điểm của nguyên tắc này. Trong khi đó, các tác giả Alvi Syahrin, M. Hamdan và Dedi Harianto cho rằng đảo ngược TNCM được hiểu là nếu bị cáo có thể chứng minh được rằng mình không phạm tội thì Tòa án có thể sử dụng bằng chứng này làm cơ sở để tuyên bố rằng cáo buộc không được chứng minh.<sup>7</sup> Khái niệm này thể hiện khá đầy đủ nội hàm của đảo ngược TNCM. Đối với tác giả Jeswin James, đảo ngược TNCM chỉ được áp dụng khi cơ quan công tố xác lập được một số sự kiện cơ bản nhất định. Bị cáo trong trường hợp này sẽ có quyền chứng minh rằng mình không vi phạm các quy định của pháp luật.<sup>8</sup> Khái niệm này không xem việc chứng minh của người bị buộc tội là nghĩa vụ hay trách nhiệm, mà chỉ xem đó là quyền. Các tác giả Wicipto Setiadi và Beniharmoni Harefa nhận thấy đảo ngược TNCM là một quy tắc ngoại lệ liên quan đến nghĩa vụ chứng minh vốn thuộc về Công tố viên, theo đó đặt ra nghĩa vụ cho bị cáo chứng minh rằng mình không phạm tội như bị cáo buộc.<sup>9</sup> Với quan điểm này, đảo ngược TNCM không vi phạm nguyên tắc “suy đoán vô tội” mà chỉ là ngoại lệ của nguyên tắc đó.

Theo pháp luật tố tụng hình sự, TNCM thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm xác định sự thật vụ án. Trong một số trường hợp đặc biệt, TNCM bị đảo ngược cho người bị buộc tội nhưng không phải là đảo ngược hoàn toàn mà có sự cân bằng giữa các chủ thể. Từ những khái niệm vừa trình bày, tác giả đề xuất cách hiểu về “đảo ngược TNCM” như sau: “Đảo ngược TNCM là một ngoại lệ của nguyên tắc suy đoán vô tội trong pháp luật của một số quốc gia. Nguyên tắc này chỉ được áp dụng trong trường hợp bên buộc tội đã thu thập được những chứng cứ cơ bản để xác định nghi phạm của vụ án nhưng chưa đủ chứng cứ thuyết phục để buộc tội, khi đó, TNCM sẽ được đảo ngược cho bên bị buộc tội. Nếu bên bị buộc tội không thể đưa ra những chứng cứ để chứng minh rằng mình vô tội thì chứng tỏ người bị buộc tội có tội trong trường hợp này”.

## **2.2. Đặc điểm của đảo ngược trách nhiệm chứng minh**

Đảo ngược TNCM mang những đặc điểm sau:

- 6 Sahuri, L., “Reversed Evidence Urgency in Case Corruption in Indonesia”, *Journal of Law, Policy and Globalization*, Vol. 72, 2018, tr. 59.
- 7 Alvi Syahrin, M. Hamdan, Dedi Harianto, *ltd*, tr. 90.
- 8 Jeswin James, *ltd*, tr. 1121.
- 9 Wicipto Setiadi, Beniharmoni Harefa, “The Principle of Reversal Burden of Proof in Act of Money Laundering in Indonesia”, *International Journal of Innovation, Creativity and Change*, Vol. 9, Iss. 7, 2019, tr. 202.

*Thứ nhất*, TNCM sự thật vụ án được giao cho bên không thường xuyên mang trách nhiệm này. Thông thường, TNCM thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục luật định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội. Đây được xem là thông lệ chung của quốc tế. Tuy nhiên, đối với pháp luật của một số quốc gia, trong những trường hợp chỉ có người bị buộc tội là người biết chính xác sự thật của vụ án, việc để cho người bị buộc tội chứng minh là hợp lý trong trường hợp đó.

*Thứ hai*, đảo ngược TNCM không được áp dụng đối với mọi loại tội phạm mà chỉ được áp dụng đối với một số tội phạm nhất định. Đơn cử, đối với các tội phạm liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ, người bị buộc tội thường có TNCM rằng mình không xâm phạm đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp... của người khác. Bên cạnh đó, nguyên tắc này còn được áp dụng đối với các tội phạm về ma túy. Theo đó, người bị buộc tội có TNCM rằng mình không biết hoặc không liên quan đến các hành vi sản xuất, mua bán, tàng trữ và vận chuyển trái phép chất ma túy. Đặc biệt, đảo ngược TNCM được áp dụng nhiều nhất đối với nhóm tội phạm về tham nhũng, cụ thể là tội rửa tiền và tội làm giàu bất hợp pháp.<sup>10</sup> Trong trường hợp này, người bị buộc tội phải đưa những chứng cứ chứng minh rằng nguồn tài sản mà mình hiện có là hợp pháp. Nếu không chứng minh được thì chứng tỏ tài sản này có được từ nguồn bất hợp pháp. Nguyên tắc này còn có thể được áp dụng đối với những tội danh khác nhưng ở tần suất ít hơn và trong những trường hợp thật sự cần thiết.

*Thứ ba*, về mức độ chứng minh, TNCM không đảo ngược hoàn toàn về phía người bị buộc tội mà có sự kết hợp hài hòa giữa bên buộc tội và bên bị buộc tội. Khi bên buộc tội đã xác lập được những chứng cứ cơ bản nhất định, TNCM mới được đảo ngược cho bên bị buộc tội. Tỷ lệ của sự phân chia TNCM tùy thuộc pháp luật của từng quốc gia, loại tội phạm cụ thể, mức độ nghiêm trọng của hành vi và nhiều yếu tố khác (sẽ được phân tích ở phần 3).

*Thứ tư*, đảo ngược TNCM và suy đoán vô tội có mối liên hệ mật thiết với nhau. Theo triết học Mác - Lênin thì đây là sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập.<sup>11</sup> Cụ thể, hai nguyên tắc này đều hướng đến một mục đích chung là đảm bảo cho hoạt động tố tụng được hiệu quả. Trên thực tế, nguyên tắc suy đoán vô tội có nguy cơ bỏ lọt tội phạm, bởi vì khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội. Trong khi đó, việc đảo ngược TNCM lại góp phần hạn chế

10 Được quy định tại Điều 20 của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (*the United Nations Convention Against Corruption, UNCAC*) và được định nghĩa là việc tài sản của một công chức tăng đáng kể so với thu nhập hợp pháp của công chức mà công chức này không giải thích được một cách hợp lý về lý do tăng đáng kể như vậy.

11 Nguyễn Việt Thông (chủ biên), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 31.

tình trạng bỏ lọt tội phạm vì có những tội phạm mà chỉ người thực hiện mới biết rõ sự thật vụ án, việc để họ chứng minh mình vô tội là hợp lý.

### 2.3. Ưu điểm của đảo ngược trách nhiệm chứng minh

Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy đảo ngược TNCM mang lại nhiều lợi ích, đó là lý do mà nguyên tắc này càng được pháp luật các quốc gia chấp nhận. Những ưu điểm đó được thể hiện ở các phương diện sau:

*Thứ nhất*, nguyên tắc này hạn chế hiệu quả tình trạng bỏ lọt tội phạm. Có thể khẳng định rằng, trong mô hình tố tụng hình sự của Việt Nam, tính thẩm vấn vẫn được thể hiện rõ nét. Mô hình tố tụng thẩm vấn này dựa trên nền tảng quan hệ công, và vì vậy, nó có một hệ thống các nguyên tắc đặc trưng của mình. Các nguyên tắc chủ đạo đặc trưng bao gồm nguyên tắc công tố hay còn gọi là nguyên tắc về trách nhiệm khởi tố, nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc về xác định sự thật khách quan (xác định chân lý vật chất) và nguyên tắc suy đoán có tội.<sup>12</sup>

*Thứ hai*, việc đảo ngược TNCM giảm áp lực cho bên buộc tội. Thực tiễn giải quyết vụ án hình sự đang tồn tại khuynh hướng nhìn nhận bị can, bị cáo như là người đã được coi là phạm tội, dù lỗi của họ chưa được chứng minh. Trong tâm lý học, khuynh hướng đó được gọi là khuynh hướng “buộc tội”, còn luật học thì gọi đó là “suy đoán có tội”.<sup>13</sup> Chính những áp lực này đã dẫn đến nhiều hạn chế đối với người tiến hành tố tụng như: (i) có tư tưởng coi người bị buộc tội là người có tội; (ii) tuân thủ không nghiêm chỉnh thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; (iii) kết tội khi không đủ chứng cứ thuyết phục<sup>14</sup>. Thông qua việc nguyên tắc đảo ngược TNCM cho người bị buộc tội, việc để họ đưa ra những chứng cứ, lập luận và chứng minh rằng mình vô tội góp phần giảm bớt áp lực cho những người tiến hành tố tụng, hiệu quả phòng, chống tội phạm từ đó cũng được nâng cao.

*Thứ ba*, thời gian giải quyết vụ án sẽ nhanh chóng, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước. Thông thường, hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và hoạt động điều tra hình sự nói riêng tốn không ít nhân lực và vật lực. Đặc biệt là đối với những vụ án phức tạp, việc chứng minh tội phạm là điều vô cùng khó khăn, các CQ THTT phải gia hạn khiến cho vụ án trì hoãn, kéo dài. Tuy nhiên, với nguyên tắc đảo ngược TNCM, việc chứng minh đã được chia sẻ một phần cho người bị buộc tội. Để không bị xem là có tội, người bị buộc tội phải có thái độ nhiệt tình hợp tác cung cấp chứng cứ nhằm chứng minh mình vô tội. Từ đó, quá trình tố tụng sẽ trở nên nhẹ

12 Đào Trí Úc, “Suy đoán vô tội – Nguyên tắc Hiến định quan trọng trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 01, 2020, tr. 19.

13 Đào Trí Úc, “Hệ thống các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự Việt Nam theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, trong sách Nguyễn Hòa Bình (chủ biên), *Những nội dung mới của theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 73.

14 Nguyễn Ngọc Chí, “Nguyên tắc suy đoán vô tội trong pháp luật và việc áp dụng trong thực tiễn tố tụng hình sự ở Việt Nam”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 01, 2020, tr. 97.

nhàng hơn, nhanh chóng hơn và tiết kiệm hơn cho ngân sách nhà nước.

#### **2.4. Nhược điểm của đảo ngược trách nhiệm chứng minh**

Bên cạnh những ưu điểm mà nguyên tắc đảo ngược TNCM mang lại thì nguyên tắc này cũng có không ít nhược điểm. Đó cũng chính là lý do đảo ngược TNCM chưa nhận được sự ủng hộ của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, trong đó có Việt Nam.

*Thứ nhất*, việc người bị buộc tội có TNCM có thể phản ánh một xã hội thiếu tự do, dân chủ. Trong một xã hội dân chủ, những quyền lực nhà nước về điều tra, truy tố tội phạm, xét xử và cưỡng chế người bị buộc tội sẽ được thực thi theo cách không can thiệp một cách không cần thiết vào các quyền công dân.<sup>15</sup> Điều này có nghĩa là TNCM tội phạm phải thuộc về nhà nước, các CQ THTT chứ không phải thuộc về người bị buộc tội. Một khi mối quan hệ giữa nhà nước và người bị buộc tội mất đi sự cân bằng do tổng thể quyền lực giữa các bên có sự chênh lệch quá lớn, dẫn đến sự bất công, oan sai là điều khó tránh khỏi.

*Thứ hai*, hậu quả của việc bị kết án là vô cùng nặng nề. Việc áp dụng đảo ngược TNCM mặc dù có thể làm giảm tỷ lệ bỏ lọt tội phạm nhưng có nguy cơ làm tăng tỷ lệ làm oan người vô tội. Về bản chất, chế tài hình sự là chế tài nghiêm khắc nhất, xâm phạm rất lớn đến quyền cơ bản của con người. Đơn cử, hình phạt tiền sẽ tác động đến quyền sở hữu của cá nhân, nhưng hình phạt tù sẽ tác động đến quyền tự do của con người. Đặc biệt, hình phạt tử hình sẽ tác động trực tiếp đến quyền được sống của con người. Ngoài ra, khi bị kết án, bị cáo còn phải đối mặt với sự chỉ trích nặng nề của xã hội. Chính vì những lẽ trên, Nhà nước nếu muốn hạn chế các quyền cơ bản của con người thì bản án được cho ra phải xuất phát từ quá trình tố tụng công bằng. Điều này cũng đã được quy định trong nhiều văn kiện về nhân quyền khác nhau, chẳng hạn như Điều 14 của Công ước Liên hợp quốc về Quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Ngoài ra, khi phát hiện oan sai, nhà nước chẳng những có trách nhiệm bồi thường cho “nạn nhân” mà còn bị mất uy tín trước công chúng. Như vậy, việc áp dụng nguyên tắc đảo ngược TNCM cần xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng để tránh mang lại những hậu quả đáng tiếc.

*Thứ ba*, đảo ngược TNCM chưa được sự ủng hộ của pháp luật các quốc gia trên thế giới vì đi ngược lại với nguyên tắc suy đoán vô tội và một số quyền con người khác.<sup>16</sup> Cụ thể, quyền im lặng được pháp luật quốc tế công nhận rằng người bị buộc tội không bị ép buộc đưa ra lời khai chống lại mình, không bị buộc phải nhận là mình có tội.<sup>17</sup> Rõ ràng, với việc đảo ngược

15 Andrew Ashworth, “Four Threats to the Presumption of Innocence”, *The International Journal of Evidence and Proof*, 2006, tr. 73.

16 Shruti Bedi, “Giả định về vô tội và các điều khoản trách nhiệm ngược: Tình trạng tài phán hình sự và hiến pháp ở Ấn Độ”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 02, 2020, tr. 100.

17 Khoản 3 Điều 14 Công ước Liên hợp quốc về quyền dân sự và chính trị năm 1966.

TNCM, khi chưa có đầy đủ những chứng cứ mà đã ngầm định một người là tội phạm thì hoàn toàn bất lợi cho họ, đặc biệt khi yếu tố nhân thân của người tiến hành tố tụng không tích cực (đã từng phạm tội trước đó, trình độ văn hóa kém, không có nghề nghiệp ổn định...). Người tiến hành tố tụng có thể lợi dụng nguyên tắc này mà chuyển hết nghĩa vụ chứng minh cho người bị buộc tội, hoặc thậm chí gây áp lực cho người buộc tội để nhận hối lộ,<sup>18</sup> từ đó dẫn đến sự bất công trong hoạt động tố tụng. Như vậy, việc đảo ngược TNCM chẳng những không thể thực hiện mục tiêu gia tăng hiệu quả xét xử mà còn có nguy cơ làm tăng tỷ lệ tội phạm.

### **3. Quy định của Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng và pháp luật của Anh, Indonesia và Ấn Độ về đảo ngược trách nhiệm chứng minh trong tố tụng hình sự**

#### **3.1. Quy định Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng**

Trong các điều ước quốc tế, quy định về đảo ngược TNCM không phải được áp dụng với tất cả các nhóm tội phạm mà chỉ tập trung vào nhóm tội phạm về tham nhũng. Quy định này lần đầu tiên được đề cập ở Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng (*United Nations Convention Against Corruption, UNCAC*). Cụ thể, Điều 31(8) UNCAC quy định rằng: “Các quốc gia thành viên có thể xem xét khả năng yêu cầu người có hành vi phạm tội phải chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản bị cho là do phạm tội mà có hoặc tài sản khác chịu tịch thu, trong chừng mực mà yêu cầu này phải tuân theo các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia và với tính chất của hoạt động xét xử và các hoạt động tố tụng khác”.

Trong Công ước này, các bên tham gia rất thận trọng khi thảo luận về đảo ngược TNCM. Điều này được phản ánh thông qua thái độ của phái đoàn tham gia tại hội nghị thảo luận về dự thảo công ước. Các quốc gia đã không đạt được sự nhất trí đối với điều khoản sẽ được quy định như một phần của công ước này. Một số quốc gia cho rằng các điều khoản về đảo ngược TNCM vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội và quyền chống lại việc tự buộc tội. Sự phản đối đáng kể nhất chủ yếu đến từ các nước thuộc Liên minh châu Âu (*European Union, EU*) và Mỹ. Các phản đối liên quan đến Hiến pháp của các quốc gia tương ứng và sự gắn kết của các quốc gia thành viên EU với Công ước châu Âu về nhân quyền, trong đó nghiêm cấm các điều khoản về đảo ngược TNCM.

#### **3.2. Quy định của pháp luật Anh**

Ở Anh, “đảo ngược trách nhiệm chứng minh” không được quy định chung ở một văn bản pháp luật nhất định mà được dàn trải trong những đạo luật chuyên ngành và các án lệ như sau. Ví dụ, khoản 2 Điều 28 của Đạo luật về ma túy năm 1971 áp đặt một phần TNCM cho bị cáo.<sup>19</sup> Khoản 5 Điều 92

18 Alvi Syahrin, M. Hamdan, Dedi Harianto, *ltd*, tr. 95.

19 Misuse of Drugs Act 1971, <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1971/38/contents>, truy cập ngày 28/9/2023.

Đạo luật Thương hiệu năm 1994 quy định rằng:<sup>20</sup> “Người bị buộc tội theo phần này có thể chứng minh rằng anh ta tin rằng có lý do hợp lý để sử dụng dấu hiệu theo cách mà nó đã được sử dụng hoặc sẽ được sử dụng mà không vi phạm quyền đăng ký nhãn hiệu”. Về quy định này, trong vụ *R v S [2003] 1 Cr App R 602, CA*<sup>21</sup>, thẩm phán cho rằng: “Làm giả là gian lận trong kinh doanh. Đó là một vấn đề nghiêm trọng hiện nay. Hàng giả có tác động kinh tế bất lợi đối với thương mại chân chính. Nó cũng có những tác động bất lợi đến người tiêu dùng về chất lượng hàng hóa và đôi khi đến sức khỏe hoặc sự an toàn của người tiêu dùng.” Do đó, dựa trên cơ sở này, việc đảo ngược TNCM là hợp lý, bởi vì “những người kinh doanh sản phẩm có thương hiệu đều nhận thức được sự cần thiết phải đề phòng hàng giả. Họ nhận thức được sự cần thiết phải giao dịch với các nhà cung cấp có uy tín và lưu giữ hồ sơ cũng như những rủi ro họ gặp phải nếu không làm như vậy”.<sup>22</sup>

Từ các phân tích trên, việc áp dụng đảo ngược nghĩa vụ chứng minh xuất phát từ mong muốn đạt được sự cân bằng giữa lợi ích chung của xã hội với quyền của người bị buộc tội. Theo tác giả Kuan Chung Ong,<sup>23</sup> để có thể áp dụng đảo ngược TNCM, phải xem xét các tiêu chí sau đây:

*Một là*, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Có ba yếu tố chính để xác định mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội : (i) hình phạt quy định cho hành vi phạm tội đó; (ii) sự kỳ thị, lên án của xã hội đối với tội phạm đó; (iii) hậu quả mà tội phạm đó gây ra đối với nạn nhân và xã hội.

*Hai là*, sự khó khăn về chứng cứ, chứng minh. Khi xem xét việc có nên áp dụng đảo ngược TNCM hay không, Tòa án có thể cân nhắc sự cân bằng trong nghĩa vụ chứng minh giữa bên buộc tội và bên bị buộc tội. Cụ thể, Tòa án sẽ xem xét mức độ khó khăn mà cơ quan công tố gặp phải trong việc chứng minh tội phạm của bị cáo. Ngược lại, nếu bị cáo gặp khó khăn trong việc chứng minh mình vô tội thì cũng cho thấy sự mất cân bằng về chứng cứ. Từ đó, có hai trường hợp nên áp dụng nguyên tắc đảo ngược TNCM. *Thứ nhất*, khi bên công tố phải chứng minh phủ định. Cụ thể, nhiệm vụ của bên công tố là phải chứng minh rằng không một ai khác ngoài bị cáo phạm tội trong trường hợp này (*universal claim*); trong khi đó, nhiệm vụ của bị cáo chỉ cần chứng minh mình không phạm tội (*existential claim*).<sup>24</sup> *Thứ hai*, bên công tố phải chứng minh hiểu biết đặc biệt của bị cáo, nói cách khác là những điều mà chỉ bị cáo là người hiểu rõ như trạng thái tinh thần của bị cáo tại thời điểm phạm tội hay hiểu biết sâu sắc về một vấn đề thuộc lĩnh vực đặc thù nào đó.

20 The Trade Mark 1994, <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1994/26/contents>, truy cập ngày 28/9/2023.

21 *R v S 1 Cr App R 602, CA*, <https://www.bailii.org/uk/cases/UKHL/2003/28.html>, 2003, truy cập ngày 28/9/2023.

22 *sR v S [2003] 1 Cr App R 602, CA*, đoạn 52.

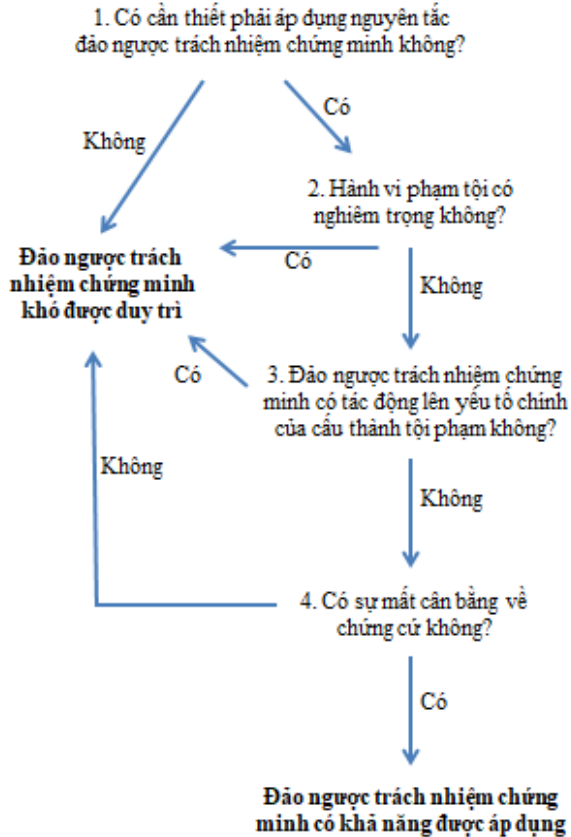
23 Kuan Chung Ong, *lđđ*, tr. 6-17.

24 Kevin W. Saunders, “The Mythic Difficulty in Proving a Negative”, *Seton Hall Law Review*, No. 15, 1985, tr. 276-283.



Ba là, yếu tố chính trong cấu thành tội phạm. Việc chứng minh các tình tiết vụ việc có phù hợp với các yếu tố cấu thành tội phạm, nhất là yếu tố chính, là nhiệm vụ của bên công tố. Nếu bên công tố đảo ngược TNCM đối với những yếu tố này thì khả năng cao Tòa án sẽ bác bỏ nó do nhận thấy sự bất công mà bị cáo phải gánh chịu và rủi ro dẫn đến oan sai. Tuy nhiên, nếu vấn đề được đảo ngược TNCM là một yếu tố “không thiết yếu” đối với hành vi phạm tội thì có thể được xem xét. Đơn cử, giả sử đối với tội giết người, hành vi giết người khiến nạn nhân tử vong là yếu tố chính để cấu thành tội giết người. Nếu bên công tố áp dụng đảo ngược TNCM thì chắc chắn sẽ bị Tòa án bác bỏ. Nếu yếu tố được đảo ngược cho bị cáo chứng minh như “bệnh tâm thần”, “mất trí”... thì có thể được xem xét.

Như vậy, có thể thấy rằng việc áp dụng đảo ngược TNCM trong pháp luật Anh không phải thực hiện một cách tùy tiện mà có tính hệ thống, logic rất cao. Điều đó được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ áp dụng đảo ngược trách nhiệm chứng minh<sup>25</sup>

### 3.3. Quy định của pháp luật Indonesia

Ở Indonesia, đảo ngược TNCM được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau.

*Thứ nhất*, Điều 97 và Điều 98 của Đạo luật về Ma túy năm 2009 quy định rằng: “Vi mục đích điều tra, kiểm tra tại phiên tòa, bị can, bị cáo có nghĩa vụ cung cấp thông tin về toàn bộ tài sản, tài sản của vợ, chồng, các con và bất kỳ cá nhân, tổ chức nào mà anh ta biết hoặc bị nghi ngờ có liên quan đến tội về ma túy và tiền chất ma túy do bị can, bị cáo thực hiện” và “Thẩm phán có quyền yêu cầu bị cáo chứng minh toàn bộ tài sản, tài sản của vợ, chồng, con và của cá nhân, tổ chức khác không có nguồn gốc từ tội phạm ma túy và tiền chất ma túy do bị cáo phạm tội”. Có thể thấy rằng, tội phạm về ma túy có tính nghiêm trọng cao và việc chứng minh là không dễ dàng. Vì thế, việc áp dụng nguyên tắc đảo ngược TNCM là phù hợp trong trường hợp này.

*Thứ hai*, Điều 22 của Đạo luật về Bảo vệ người tiêu dùng năm 1999 quy định rằng: “Chứng minh liệu có yếu tố sai sót trong vụ án hình sự như quy định tại khoản 4 Điều 19, Điều 20 và Điều 21 hay không là trách nhiệm của chủ thể kinh doanh mà không làm mất đi khả năng của công tố viên trong việc đưa ra bằng chứng”. Thông qua quy định này, có thể thấy rằng TNCM không chuyển hoàn toàn về phía người bị buộc tội mà có sự phân chia trách nhiệm với bên công tố. Bên cạnh đó, đối với tội phạm về lĩnh vực này, những chủ thể kinh doanh là người có hiểu biết sâu về lĩnh vực của mình nên việc áp dụng nguyên tắc đảo ngược TNCM mang lại hiệu quả hơn.

Đặc biệt, khi nhắc đến Indonesia, điểm đặc trưng nhất của nguyên tắc đảo ngược TNCM chính là việc áp dụng nguyên tắc này đối với tội phạm về rửa tiền. Cụ thể, Điều 77 và Điều 78 của Đạo luật về phòng, chống rửa tiền năm 2010 quy định rằng bị cáo có nghĩa vụ chứng minh tài sản của mình không phải là tài sản do phạm tội mà có. Khi xem xét tại phiên tòa, thẩm phán ra lệnh cho bị cáo chứng minh rằng tài sản liên quan đến vụ án không có nguồn gốc hoặc liên quan đến hành vi phạm tội. Theo đó, bị cáo chứng minh rằng tài sản liên quan đến vụ án không có nguồn gốc hoặc không liên quan đến hành vi phạm tội bằng cách đưa ra đầy đủ bằng chứng. Như vậy, do mức độ tham nhũng ngày càng khó chứng minh, nguyên tắc này được coi là một nỗ lực có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc vạch trần hành vi tham nhũng. Đồng thời, đây được xem là sự nội luật hóa quy định tại Điều 31(8) của UNCAC.

Theo tác giả Go Lisanawati,<sup>26</sup> việc đảo ngược nghĩa vụ chứng minh sẽ không trái với nguyên tắc suy đoán vô tội, và nó cũng không được xác định

26 Go Lisanawati, “Hiện trạng của Nguyên tắc Suy đoán vô tội trong pháp luật chống rửa tiền của Indonesia”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 02, 2020, tr. 31.

là suy đoán có tội. Bởi vì, khi xem xét mối liên hệ giữa Đạo luật về Phòng, chống rửa tiền năm 2010 với các luật khác, Điều 68 luật này quy định rằng các thủ tục chứng minh phải được tuân theo các quy định chung của Luật Tố tụng hình sự. Điều đó có nghĩa là, công tố viên phải chứng minh cáo trạng đã được xây dựng theo đúng các quy định của Luật Tố tụng hình sự, đồng thời có một nghĩa vụ mới cho bị cáo phải chứng minh về tài sản mà mình có. Các bị cáo phải trình bày bằng chứng pháp lý để thực hiện nghĩa vụ mà pháp luật yêu cầu. Trong khi buộc tội bị cáo về tội rửa tiền, công tố viên cũng phải có bằng chứng pháp lý tương ứng với cáo buộc.

Theo hai tác giả Wicipto Setiadi và Beniharmoni Harefa,<sup>27</sup> đảo ngược TNCM đối với tội phạm rửa tiền là một phần nỗ lực trong việc ngăn chặn và xóa bỏ tội phạm này, do: (i) Tác động của việc rửa tiền đã gây bất lợi cho xã hội; (ii) Sự phức tạp trong phương thức hoạt động của tội rửa tiền. Đặc biệt, việc chứng minh tội phạm còn nhằm mục đích truy tìm, thu giữ tài sản của hành vi này. Chính vì những điều này mà việc áp dụng nguyên tắc đảo ngược TNCM nên được áp dụng.

Như vậy, đối với Indonesia, việc áp dụng nguyên tắc đảo ngược TNCM trong một số trường hợp, đối với một số tội phạm là cần thiết.

### 3.4. Quy định của pháp luật Ấn Độ

Điểm nổi bật ở Ấn Độ là việc đảo ngược TNCM được áp dụng với nhóm tội xâm phạm tình dục đối với trẻ em.<sup>28</sup> Theo tinh thần của Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em, một bộ tiêu chuẩn được đặt ra cho các quốc gia thành viên nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ em. Là một thành viên của Công ước, để thực hiện tốt nghĩa vụ được giao, Ấn Độ đã ban hành Đạo luật Bảo vệ trẻ em khỏi tội phạm tình dục năm 2012 (*Protection of Children from Sexual Offences Act*, POCSO). Mục tiêu của POCSO là bảo vệ trẻ em khỏi các hành vi phạm tội quấy rối tình dục, tấn công tình dục và khiêu dâm, đồng thời quy định việc thành lập các Tòa án đặc biệt để xét xử các tội phạm đó. Điểm đáng chú ý là quy định tại Điều 29 và Điều 30 của Đạo luật này, theo đó, “khi một người bị truy tố vì thực hiện hoặc tiếp tay hoặc cố gắng thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội nào theo mục 3, 5, 7 và mục 9 của Đạo luật này, Tòa án đặc biệt sẽ cho rằng người đó đã thực hiện hoặc tiếp tay hoặc cố gắng thực hiện hành vi phạm tội, như trường hợp này có thể xảy ra, trừ khi điều ngược lại được chứng minh”; và “(1) Khi truy tố bất kỳ hành vi phạm tội nào theo Đạo luật này đòi hỏi bị cáo phải có trạng thái tinh thần có thể phạm tội, Tòa án đặc biệt sẽ cho rằng có tồn tại trạng thái tinh thần đó nhưng nó

27 Wicipto Setiadi, Beniharmoni Harefa, *ltd*, tr. 207.

28 Bên cạnh quy định này còn có một số điều khoản theo luật định sử dụng các điều khoản đảo ngược trách nhiệm chứng minh ở Ấn Độ là Luật Thực phẩm, 1954, Mục 10 (7-B); Luật Hàng hóa thiết yếu, 1955, Mục 10C; Luật Hải quan, 1962, Phần 123, 138A và 139; Luật Quản lý ngoại hối, 1999, Mục 39; Luật về ma túy và các chất hướng thần (NDPS), 1985, Phần 35, 54 và 66; Luật Thuế tài sản, 1957, Mục 35-O; và Luật Phòng chống tham nhũng, 1988, Phần 20.

sẽ bào chữa cho bị cáo để chứng minh rằng thực tế là anh ta không có trạng thái tinh thần như vậy đối với hành vi bị buộc tội trong vụ truy tố đó. (2) Vì mục đích của phần này, một sự kiện được cho là chỉ được chứng minh khi Tòa án Đặc biệt tin rằng nó tồn tại mà không còn nghi ngờ hợp lý nào chứ không chỉ khi sự tồn tại của nó được xác lập bởi chứng cứ vượt trội.” Đồng thời, POCSO cũng đưa ra giải thích về “trạng thái tinh thần phạm tội” bao gồm ý định, động cơ, hiểu biết về một sự việc và niềm tin hoặc lý do để tin vào một sự việc.

Quy định này tạo ra hai quan điểm đối lập với nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng Điều 29 và Điều 30 POCSO Act 2012 vi phạm quy định tại Điều 21 của Hiến pháp Ấn Độ. Cụ thể, theo tác giả Durga Das Basu,<sup>29</sup> bị cáo hầu như không có khả năng tự vệ và bị yêu cầu đưa ra bằng chứng tiêu cực, bị buộc phải đưa ra lời khuyên và phải đối mặt với việc thẩm vấn chéo, điều này có thể buộc tội chính anh ta. Điều 21 Hiến pháp Ấn Độ (sửa đổi, bổ sung năm 2022) quy định rằng: “Không ai có thể bị tước đoạt tính mạng hoặc quyền tự do cá nhân trừ khi theo thủ tục do pháp luật quy định”. Quyền sống và quyền tự do của một người chỉ có thể bị hạn chế bởi thủ tục do pháp luật quy định, thủ tục này phải, công bằng và hợp lý. Có thể thấy rằng, nhóm tội phạm này bao gồm tất cả những tầng lớp trong xã hội, trong đó có những người không có điều kiện về kinh tế để nhờ luật sư bảo vệ. Cho nên, việc chuyển TNCM cho họ là không công bằng. Vì vậy, quy định này trái với quy định của Hiến pháp Ấn Độ.

Ngược lại, quan điểm thứ hai cho rằng quy định này không vi hiến. Theo tác giả Jeswin James,<sup>30</sup> Điều 29 và Điều 30 không vô hiệu hóa nghĩa vụ chứng minh của bên công tố, và nhiệm vụ này không bao giờ chuyển sang bị cáo mà luôn do bên công tố xác lập. Nghĩa vụ chứng minh theo luật định đối với bị cáo chỉ là một phần và nó sẽ không làm thay đổi nghĩa vụ cơ bản của công tố là xác định các tình tiết cơ bản cấu thành vụ án đối với bị cáo. Do đó, quy định này không vi hiến. Bên cạnh đó, khi nói về quy định tại Điều 21 Hiến pháp Ấn Độ, Tòa án tối cao trong vụ *Noor Aga v. State of Punjab*<sup>31</sup> cho rằng suy đoán vô tội là một quyền con người được quy định tại Điều 14(2) của Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị. Tuy nhiên, nó không thể được đánh đồng với quyền và tự do cơ bản được quy định trong Điều 21 của Hiến pháp Ấn Độ. Vì vậy, việc đảo ngược TNCM sẽ không vi phạm các điều khoản luật định khác (tất nhiên, phải được hiểu dưới góc độ các nguyên tắc khác của Hiến pháp được bảo đảm như quy định

29 Durga Das Basu, *Commentary on The Constitution of India* 970 (8th ed. 2009); Jeswin James, *ltd*, tr. 1117.

30 Jeswin James, *ltd*, tr. 1119 – 1120.

31 *Noor Aga v. State of Punjab* (2008) 16 SCC 417, <https://indiankanoon.org/doc/1584447/>, 2008, truy cập ngày 28/9/2023.

trong Điều 20 và 21 của Hiến pháp Ấn Độ).

Như vậy, nguyên tắc đảo ngược TNCM ở Ấn Độ, mặc dù được quy định trong các văn bản pháp luật, vẫn còn gây ra nhiều quan điểm đối ngược nhau về việc áp dụng, từ đó yêu cầu các CQ THTT phải hết sức thận trọng để tránh việc xâm phạm đến quyền con người.

#### **4. Kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc nghiên cứu, học tập quy định của pháp luật nước ngoài về đảo ngược trách nhiệm chứng minh trong tố tụng hình sự**

Trên tinh thần của điều ước quốc tế và kinh nghiệm lập pháp của một số nước trên thế giới, tác giả có một số kiến nghị đối với Việt Nam về quy định đảo ngược TNCM như sau:

*Thứ nhất*, nên sửa đổi, bổ sung Điều 31(1) Hiến pháp năm 2013 như sau: “1. Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, *trừ một số trường hợp luật định*”. Việc sửa đổi này là cần thiết, bởi vì Hiến pháp là luật “mẹ”, luật gốc của các luật. Nếu chỉ tập trung điều chỉnh pháp luật chuyên ngành thì khả năng cao quy định về đảo ngược TNCM sẽ vi hiến.

*Thứ hai*, nên sửa đổi, bổ sung Điều 15 BLTTHS năm 2015:

“TNCM tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. *Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội, trừ trường hợp quy định tại Điều 15a của Bộ luật này.*

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội”.

*Thứ ba*, bổ sung Điều 15a vào BL TTHS năm 2015 như sau:

“Điều 15a. Đảo ngược TNCM

Nguyên tắc này chỉ được áp dụng đối với *các tội phạm quy định tại Điều 225, 226, 324 Bộ luật Hình sự*. Trong trường hợp bên buộc tội đã xác lập được những chứng cứ cơ bản nhất định về việc người này có hành vi phạm tội, TNCM sẽ được đảo ngược cho bên bị buộc tội. Nếu bên bị buộc tội không thể đưa ra những chứng cứ để chứng minh rằng mình vô tội thì chứng cứ của bên buộc tội xác lập *được xem là một chứng cứ để buộc tội*”.

Đối với nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, đảo ngược TNCM có thể được áp dụng trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, cụ thể là tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 225 BLHS năm 2015), tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 226 BLHS năm 2015). Bởi vì trong những vụ án này, người bị buộc tội là người có hiểu biết sâu về lĩnh vực

của mình nên việc áp dụng “đảo ngược TNCM” mang lại hiệu quả hơn so với việc để bên buộc tội thu thập chứng cứ. Đối với tội rửa tiền (Điều 324 BLHS năm 2015), như đã phân tích, việc chứng minh đây là nguồn tiền hợp pháp hay bất hợp pháp là điều rất khó khăn đối với CQ THTT. Bên cạnh đó, theo tinh thần của UNCAC cũng như học tập theo kinh nghiệm của Indonesia trong việc nỗ lực phòng chống rửa tiền, việc chứng minh nguồn tiền này là hợp pháp hay bất hợp pháp là điều khó khăn. Cho nên, đảo ngược TNCM cho người bị buộc tội trong trường hợp này là hợp lý.

Về mặt lý luận, tác giả học tập theo kinh nghiệm của Anh. Không phải trong mọi trường hợp, CQ THTT đều áp dụng đảo ngược TNCM đối với những tội phạm về tham nhũng mà cần phải thỏa mãn những tiêu chí sau: (i) mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; (ii) sự khó khăn về chứng cứ và (iii) yếu tố chính trong cấu thành tội phạm. Về quy trình áp dụng các tiêu chí này được thực hiện theo sơ đồ tại mục 3.2 của bài viết này.

Tuy nhiên, chúng ta cần chú ý, để có thể sử dụng tốt công cụ này, Việt Nam ta phải đáp ứng những điều kiện sau: (i) Người dân trong xã hội có một kiến thức pháp luật nhất định; (ii) Chất lượng của các CQ THTT được hoàn thiện từ trung ương đến địa phương; (iii) Chất lượng và số lượng của đội ngũ luật sư được đảm bảo. Theo chủ nghĩa Mác-Lênin, cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng. Khi những điều kiện của xã hội thay đổi thì pháp luật cần có sự thay đổi để phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, phải thận trọng và chú ý đến những nhược điểm mà đảo ngược TNCM có thể mang lại.

### **Kết luận**

Đảo ngược TNCM là một nguyên tắc pháp lý trong pháp luật của một số quốc gia. Nguyên tắc này chỉ được áp dụng trong trường hợp bên buộc tội đã thu thập được những chứng cứ cơ bản để xác định nghi phạm của vụ án nhưng chưa đủ chứng cứ thuyết phục để buộc tội, khi đó, TNCM sẽ được đảo ngược cho bên bị buộc tội. Nếu bên bị buộc tội không thể đưa ra những chứng cứ để chứng minh rằng mình vô tội thì chứng tỏ người bị buộc tội có tội trong trường hợp này. Thông qua bài viết, nhóm tác giả đã chỉ ra những đặc điểm nổi bật, những ưu điểm vượt trội khi áp dụng đảo ngược TNCM cũng như những nhược điểm cần chú ý khi áp dụng nguyên tắc này. Bên cạnh đó, nhóm tác giả đã phân tích và đánh giá chi tiết, tập trung vào những điểm nổi bật, đặc trưng nhất của các quy định trong Điều ước quốc tế, pháp luật Anh, pháp luật Indonesia và pháp luật Ấn Độ về đảo ngược TNCM, từ đó, rút ra những kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc nghiên cứu, học tập quy định của pháp luật nước ngoài về đảo ngược TNCM trong tố tụng hình sự. ●

**Tài liệu tham khảo**

- [1] Andrew Ashworth, “Four Threats to the Presumption of Innocence”, *The International Journal of Evidence and Proof*, 2006
- [2] Shruti Bedi, “Giả định về vô tội và các điều khoản trách nhiệm ngược: Tình trạng tài phán hình sự và hiến pháp ở Ấn Độ”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 02, 2020 [trans: Shruti Bedi, “Presumption of Innocence and Reverse Burden Provisions: The State of Criminal Adjudication and Legislation in India”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 2, 2020]
- [3] Nguyễn Ngọc Chí, “Nguyên tắc suy đoán vô tội trong pháp luật và việc áp dụng trong thực tiễn tố tụng hình sự ở Việt Nam”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 01, 2020 [trans: Nguyen Ngoc Chi, “Presumption of Innocence in Law and Its Application in Criminal Procedure Practice in Vietnam”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 01, 2020]
- [4] Trần Văn Đệ, “Nguyên tắc suy đoán vô tội trong pháp luật hình sự Việt Nam”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 01, 2020 [trans: Tran Van Do, “The Principle of Presumption of Innocence in the Criminal Law of Vietnam”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 1, 2020]
- [5] Jeswin James, “Constitutionality of Reverse Burden of Proof: Sections 29, 30 of POCSO Act”, *International Journal of Law Management & Humanities*, Vol. 5, Iss 3, 2022
- [6] Adinda Putri Jade, Yaris Adhial Fajrin, Diah Nadia Putri, Aisya Sanghra Devi Nugraha, “The Reverse Burden of Proof in Indonesia’s Money Laundering Crime: A Review”, *Lentera Hukum*, Vol. 7, Issue 3, 2020
- [7] Go Lisanawati, “Hiện trạng của Nguyên tắc Suy đoán vô tội trong pháp luật chống rửa tiền của Indonesia”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 02, 2020
- [8] Kuan Chung Ong, “Statutory Reversals of Proof: Justifying Reversals and the Impact of Human Rights”, *32 U. Tas. L. REV*, 2013
- [9] Sahuri. L, “Reversed Evidence Urgency in Case Corruption in Indonesia”, *Journal of Law, Policy and Globalization*, ISSN: 2224-3240, Vol. 72, 2018
- [10] Kevin W. Saunders, “The Mythic Difficulty in Proving a Negative”, *Seton Hall Law Review*, No. 15, 1985
- [11] Wicipto Setiadi, Beniharmoni Harefa, “The Principle of Reversal Burden of Proof in Act of Money Laundering in Indonesia”, *International Journal of Innovation, Creativity and Change*, Vol. 9, Issue. 7, 2019
- [12] Alvi Syahrin, M. Hamdan, Dedi Harianto, “Penerapan pembuktian terbalik dalam perkara gratifikasi”, *USU Law Journal*, Vol. 4, No. 2, Maret
- [13] Nguyễn Việt Thông (chủ biên), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009 [trans: Nguyen Viet Thong (editor), “Textbook on the Basic Principles of Marxist-Leninist Philosophy”, *National Political Publishing House, Hanoi, 2009*]
- [14] Đào Trí Úc, “Hệ thống các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự Việt Nam theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, trong sách Nguyễn Hòa Bình (chủ biên), *Những nội dung mới của theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016 [trans: Dao Tri Uc, “The System of Basic Principles of Criminal Procedure in Vietnam According to the Criminal Procedure Code of 2015” in Nguyễn Hòa Bình (editor), *New Contents of the Criminal Procedure Code of 2015*, National Political Publishing House, 2016]
- [15] Đào Trí Úc, “Suy đoán vô tội – Nguyên tắc Hiến định quan trọng trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 01, 2020 [trans: Dao Tri Uc, “Presumption of Innocence – A Fundamental Principle in the Criminal Procedure Code of Vietnam 2015”, *Online Experts Workshop – The Presumption of Innocence*, Vol. 1, 2020]